

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT – BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10
Năm báo cáo: 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ **Việc thành lập:** Công ty Cổ phần LILAMA 10 tiền thân là Xí nghiệp lắp máy số 1 Hà Nội được thành lập tháng 12/1960; Ngày 25/1/1983 Công ty chuyển thành xí nghiệp liên hợp lắp máy 10 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy (Nay là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam). Công ty đổi tên thành Công ty lắp máy và xây dựng số 10 từ ngày 02/01/1996.

+ **Chuyển đổi sở hữu công ty :** Từ ngày 01/01/2007 Công ty lắp máy và xây dựng số 10 chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần LILAMA10

+ **Niêm yết:** Ngày 11 tháng 12 năm 2007 Công ty đã nhận được quyết định niêm yết chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán TP hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2007 Công ty chính thức niêm yết 9.000.000 cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch L10.

+ **Các sự kiện khác:** Trong năm 2007 Công ty đã chế tạo thành công 04 cầu giàn KC 50-42 tải trọng 50T với giá trị 4,37 tỷ đồng.

2. Quá trình phát triển

+ **Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp máy móc cho các công trình.
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng.
- Sản xuất VLXD.
- Gia công chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng , thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Làm sạch và sơn phủ bề mặt kim loại.

- Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị, các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng.
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra chất lượng mỗi hàn kim loại.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Bất động sản, nhà ở, trang trí nội thất (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).
- Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành lắp máy.
- Thiết kế hệ thống dây chuyền công nghệ chế tạo máy và lắp máy phục vụ ngành lắp máy.
- Thiết kế hệ thống điều khiển nhiệt điện đối với công trình công nghiệp.

Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

+ Tình hình hoạt động:

Hiện nay Công ty đang thi công xây lắp nhiều công trình trên khắp cả nước như công trình Thủy điện: Sơn La, Bản chát, Plêikrông, Sêsan, Sêsan4, công trình nhiệt điện Uông bí, xi măng Thăng Long, Hải Phòng mới, nhà máy lọc dầu Qung Quất vv.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty: - Mở rộng thị trường hoạt động ra thế giới.

Tổng công ty LILAMA sẽ phát triển thành Tập đoàn kinh tế và Công ty cổ phần LILAMA 10 sẽ trở thành một Tổng công ty hoạt động đa ngành với lĩnh vực kinh doanh chính là lắp đặt các máy móc thiết bị. Phấn đấu LILAMA 10 trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam, trong lĩnh vực lắp đặt các máy móc, thiết bị công nghiệp trong và ngoài nước./.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn : Trong thời gian tới LILAMA 10 sẽ từng bước đa dạng hóa, mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của mình sang một số lĩnh vực có liên quan khác như: Đầu tư bất động sản; liên doanh, liên kết, đầu tư tài chính dưới hình thức góp vốn vào các công ty khác. Tháng 11 năm 2007 LILAMA 10 đã khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Công 3 do Công ty làm chủ đầu tư với công suất 8 MW với tổng mức vốn đầu tư 170 tỷ, dự kiến phát điện tổ máy 1 vào quý 3 năm 2009, phát điện tổ máy 2 vào quý 4/2009, với sản lượng điện trung bình năm 35,46 triệu KW.

Dự kiến đến năm 2008, LILAMA 10 sẽ đầu tư xây dựng 01 trụ sở văn phòng làm việc và cho thuê cao 15 tầng tại đường Lê Văn Lương kéo dài – Hà Nội với tổng diện tích đất: 9.200m².

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm.

HDQT Công ty cổ phần LILAMA10 được Đại hội cổ đông thành lập bầu ra 05 thành viên, gồm:

+ Bà Đỗ Thị Mai Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
+ Bà Nguyễn Phương Chi	Ủy viên HĐQT
+ Ông Trần Đình Đại	Ủy viên HĐQT
+ Ông Nguyễn Đức Tuấn	Ủy viên HĐQT
+ Ông Đặng Văn Long	Ủy viên HĐQT

- Thành viên HĐQT trực tiếp điều hành:

+ Ông Trần Đình Đại	Tổng Giám đốc
+ Ông Nguyễn Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
+ Ông Đặng Văn Long	Kế toán trưởng

Hoạt động của HĐQT năm 2007:

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA10, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2007, HĐQT đã họp 06 phiên vào từng quý và bất thường, các phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, một số phiên họp mở rộng có sự tham gia của các Phó Tổng Giám đốc Công ty. HĐQT thống nhất ban hành các nghị quyết chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty và giao cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện, kết quả như sau:

Hoàn thành phương án phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ Công ty từ 40 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng, đưa cổ phiếu của Lilama10 lên niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/12/2007 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2007.

Chỉ đạo soạn thảo và thông qua Đại hội cổ đông bất thường cho ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty.

Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2007 cho các cổ đông với mức : 7% từ ngày 12/9/2007 đến 30/9/2007

Thành lập 06 chi nhánh Công ty cổ phần Lilama10 đồng thời với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ đứng đầu các chi nhánh, bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty, để tăng cường năng lực lãnh đạo Công ty, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm mới một Phó Tổng Giám đốc Công ty dự kiến là ông Đặng Văn Long.

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Toà nhà LILAMA 10 tại xã Trung Văn- Từ Liêm- Hà Nội, cao 15 tầng, Diện tích xây dựng: 1.086 m² ,Diện tích sàn: 16.000 m², tổng mức đầu tư dự kiến: 158, tỷ đồng (*Một trăm năm tám tỷ đồng*).

Chỉ đạo triển khai đầu tư và phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án thủy điện Nậm Công 3 thuộc Huyện Sông Mã- Tỉnh Sơn La, dự án đã được động thổ khởi công từ ngày 28/11/2007, với công suất lắp máy: 8,0 MW (gồm 02 tổ máy Francis); Sản lượng bình quân năm: 35,46 triệu kWh, dự kiến dự án hoàn thành vào quý IV/2009, khi dự án phát điện, doanh thu hàng năm là: 20 tỷ đồng.

Phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu các dự án Công ty đảm nhận thi công, gồm: Chế tạo 04 cầu giàn 50T ; Mua mới cầu bánh xích 100T, đầu kéo có trang bị thủy lực , xe ô tô 05 chỗ; 29 chỗ, 51 chỗ ...

Cử người đại diện phần vốn Nhà nước Công ty cổ phần LILAMA10 tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng & PT đô thị LILAMA-UDC.

Quyết định góp vốn điều lệ làm cổ đông sáng lập Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty về việc: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần, liên doanh mục đích tìm kiếm công việc tại CANADA.

+ *Kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2007:*

Từng phiên họp HĐQT đã xem xét kiểm điểm, đánh giá và có những nghị quyết chỉ đạo SXKD sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của công ty. Các ủy viên HĐQT đã chủ động thực hiện các nội dung của nghị quyết đã đề ra và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. So với mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2007, Công ty cổ phần LILAMA10 đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra như đã được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2007; Doanh thu tăng 10,84%; Lợi nhuận trước thuế tăng 30,67%; Thu nhập bình quân tăng 19,44%; Nộp ngân sách nhà nước tăng 130,16%.

Về công tác đầu tư: Năm 2007, Công ty đã tiếp tục đầu tư mới trang thiết bị, dụng cụ phương tiện thi công có tính năng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, đáp ứng được những dự án mà Công ty đảm nhận thi công và các dự án Công ty đầu tư xây dựng. Với tổng mức đầu tư thực hiện năm 2007 là: 25,52 tỷ đồng.

+ *Đánh giá hoạt động của HĐQT:*

Năm 2007, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình,

HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, do đó đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Kết luận:

Năm 2007, năm đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đã đặt ra, đó là nhờ vào sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV Công ty, sự định hướng và chỉ đạo đúng đắn của HĐQT, các giải pháp điều hành năng động của Ban Tổng Giám đốc, sự kiểm soát tích cực của Ban kiểm soát. Bên cạnh đó có một phần rất quan trọng là sự tin tưởng và ủng hộ to lớn của Quý cổ đông nên Công ty cổ phần LILAMA10 đã đạt được những kết quả hết sức khả quan, lợi nhuận tăng hơn 3 lần so với năm 2006.

Với những thành tích đã đạt được trong nhiều năm qua và đặc biệt trong năm 2007, ngày 27/2/2008 Công ty cổ phần LILAMA10 vinh dự được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam phong tặng danh hiệu **“Đơn vị anh Hùng Lao Động”**.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch).

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2007:

- Giá trị sản xuất kinh doanh	: 276,15/251 tỷ đồng đạt 110% kế hoạch.
- Tổng doanh thu	: 205,8/185,7 tỷ đồng đạt 110% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế	: 14,864/11,375 tỷ đồng đạt 130% kế hoạch
(Quý 4/07 LN trước thuế: 12.604.855.867,đ lý do có sự chênh lệch là do điều chỉnh lại báo cáo sau kiểm toán)	
Số đã nộp ngân sách	: 8,08 tỷ đồng
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	: 22,7%
Thu nhập bình quân đ/người/ tháng	: 2,15 /1,8 triệu đồng đạt 119% kế hoạch.
Đơn giá tiền lương	: 301,6 đồng/1000 đồng doanh thu
Lao động thực tế sử dụng bình quân	: 2.226 người

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán nhanh: 0,45 lần

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo :

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 là:14.864.348.932, đ

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2007: 11.823.826.273, đ

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: từ tháng 30/06/2007 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000.000, đ lên 90.000.0000.000,đ.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: Tổng số 9.000.000 cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 9.000.000 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 14% 1 năm (1.400/ 1cổ phần)

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2007 là năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần Lilama10 sau khi chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, do đó không có số liệu so sánh.

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: Từ ngày 01/01/2007 Công ty lắp máy và xây dựng số 10 chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần LILAMA10 vì vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được so với kế hoạch như sau:

Tổng doanh thu	: 205,8/185,7 tỷ đồng đạt 110% kế hoạch.
Tổng lợi nhuận trước thuế	: 14,864/11,375 tỷ đồng đạt 130% kế hoạch
Số đã nộp ngân sách	: 8,08 tỷ đồng
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	: 22,7%
Thu nhập bình quân đ/người/ tháng	: 2,15 /1,8 triệu đồng đạt 119% kế hoạch.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Năm 2007, năm đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, công ty đã đạt được nhiều tiến bộ vượt bậc, điển hình là:

Việc tổ chức thi công các công trình trọng điểm đã đi vào nề nếp, đáp ứng được yêu cầu tiến độ và chất lượng, như nhà máy thủy điện Sơn La, nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

Làm tốt công tác mở rộng thị trường, ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế, công tác thanh quyết toán thu hồi vốn nhanh.

Đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên. Trong năm qua Công ty đã thành lập 6 chi nhánh hoạt động theo các vùng, miền phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đã có nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật có giá trị, trong đó có sáng kiến sử dụng cầu bánh xích thủy lực KOBELKO 7150-150 tấn để thực hiện công tác lắp đặt thiết bị, thử khe

van công trình thủy điện Seessan rút ngắn được tiến độ thi công 6 tháng, mang lại hiệu quả kinh tế với giá trị 4,5 tỷ đồng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong năm 2008 đang tiến hành dự án xây dựng nhà văn phòng hỗn hợp 15 tầng tại Thanh Xuân – Hà Nội, tổng mức đầu tư dự kiến 158 tỷ đồng.

Đầu tư góp vốn xây dựng nhà máy thủy điện Hủa Na với giá trị vốn góp 60 tỷ đồng. Và một dự án đầu tư khác...

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
(Từ 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007)
Phần I - Lãi lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	205,845,507,372
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 03)	10	VI.19	205,845,507,372
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	168,617,690,252
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		37,227,817,120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	391,239,289
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	8,495,773,396
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,495,773,396
8. Chi phí bán hàng	24		
- Chi phí bán hàng	24A		
- Chi phí chờ kết chuyển (14221)	24B		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,842,678,346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		14,280,604,667
11. Thu nhập khác	31		585,134,786
12. Chi phí khác	32		1,390,521

13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		583,744,265
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,864,348,932
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN(60=50-51-52)	60		14,864,348,932
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,287

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ- ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Từ 01/01/2007 đến 31/12/2007

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		242,039,509,422
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(125,319,500,574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(56,471,332,223)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(5,676,168,316)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(639,012,317)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		24,621,066,842
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		(45,713,886,522)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		32,840,676,312
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23,887,949,274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16,530,793,625)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		

7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		391,199,294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(40,027,543,605)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		38,332,300,163
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		183,451,282,067
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(218,207,790,573)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(599,528,270)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,776,589,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		199,674,387
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(6,987,192,906)
Tiền tồn đầu kỳ	60		32,420,472,597
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3,624,513)
Tiền tồn cuối kỳ	70		25,429,655,178

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 2007	Số đầu năm 2007
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		221,105,858,390	177,859,709,193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25,429,655,178	32,420,472,597
1. Tiền	111	V.03	25,429,655,178	32,420,472,597
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47,589,412,632	38,462,184,273
1. Phải thu của khách hàng	131		37,479,062,479	35,498,173,161

2. Trả trước cho người bán	132		12,563,392,842	2,099,011,801
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	338,636,222	864,999,311
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2,791,678,911)	
IV. Hàng tồn kho	140		145,651,493,669	104,985,659,148
1. Hàng tồn kho	141	V.05	145,651,493,669	104,985,659,148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,435,296,911	1,991,393,175
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		269,242,126	559,504,115
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,789,833	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	42,767,288	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,095,497,664	1,431,889,060
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		64,174,613,169	35,767,508,148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		45,841,216,365	35,715,199,688
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	26,271,991,710	23,451,899,790
- Nguyên giá	222		84,266,079,993	67,067,188,937
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57,994,088,283)	(43,615,289,147)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.08	1,034,565,794	377,982,565
- Nguyên giá	225		1,471,069,228	438,904,215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(436,503,434)	(60,921,650)
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	7,062,300,000	7,397,300,000

- Nguyên giá	228		7,397,300,000	7,397,300,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-335,000,000	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	11,472,358,861	4,488,017,333
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16,530,793,625	0
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	16,530,793,625	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,802,603,179	52,308,460
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,602,603,179	52,308,460
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		200,000,000	
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		285,280,471,559	213,627,217,341
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		177,697,160,795	169,561,654,950
I. Nợ ngắn hạn	310		160,137,769,341	165,425,778,579
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	21,219,019,422	61,802,999,816
2. Phải trả người bán	312		23,257,623,269	18,667,470,082
3. Người mua trả tiền trước	313		100,864,208,089	52,622,260,828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	2,887,102,667	1,893,311,380
5. Phải trả người lao động	315		8,341,378,006	9,879,666,592
6. Chi phí phải trả	316		26,005,883	421,351,151
7. Phải trả nội bộ	317			2,699,226,000
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	3,542,432,005	17,439,492,730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			

II. Nợ dài hạn	330		17,559,391,454	4,135,876,371
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	17,010,000,607	1,738,825,270
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		549,390,847	2,397,051,101
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		107,583,310,764	44,065,562,391
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	106,823,826,273	42,048,683,150
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	40,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,000,000,000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11,823,826,273	2,048,683,150
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		759,484,491	2,016,879,241
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		759,484,491	2,016,879,241
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		285,280,471,559	213,627,217,341
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		24		

2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công			3,415,157,573	3,415,157,573
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)			89.472,46	735.352,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán**. Ý kiến kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty cổ phần LILAMA10 như sau: *(Trích báo báo kiểm toán ngày 27 tháng 2 năm 2008)*

“Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 10 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm

tài chính kết thúc ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không

- Các nhận xét đặc biệt: Không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: 51% vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Tại ĐHĐCĐ ngày 19.05.2007 đã thông qua kế hoạch đầu tư các dự án Thủy điện Nậm Công 3, Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng và văn phòng cho thuê.

Bên cạnh đó là Dự án Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị LILAMA (LILAMA – UDC) đã thực hiện từ giữa năm 2006.

Tóm lược chi tiết các dự án như sau:

Dự án Thủy điện Nậm Công 3

Địa chỉ: xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Với công suất lắp máy 8 MW

Tổng mức đầu tư 170 tỷ đồng

Dự kiến khởi công: quý 4 năm 2007

Phát điện tổ máy 1 quý 3 năm 2009

Phát điện tổ máy 2 quý 4 năm 2009

Điện lượng trung bình năm: 35,46 triệu KW

Doanh thu hàng năm: 21 tỷ đồng

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na với số vốn điều lệ 1.200 tỷ đồng, được thành lập để làm chủ đầu tư thực hiện dự án. Cổ đông sáng lập là Tổng Công ty LILAMA, tỷ lệ góp vốn 14%, Tập đoàn dầu khí Việt Nam 14%, các cổ đông khác (Ngân hàng TMCP Quân đội, Công

ty Cổ phần LILAMA 10., JSC, Công ty Chứng khoán Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Công ty Tư vấn và Đầu tư Tài chính) là 72%.

Nhà máy Thủy điện Hòa Na công suất 180MW, tổng vốn đầu tư 4.332,180 tỷ đồng. Nhà máy gồm 2 tổ máy, tua bin kiểu Francis được xây dựng trên diện tích 20,6 km² tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị LILAMA (LILAMA – UDC)

Địa chỉ: Phòng 506, Tòa nhà 101, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Tổng số vốn LILAMA 10., JSC góp: 7,5 tỷ (tương đương 10% vốn điều lệ)

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị LILAMA là một thành viên của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Công ty thành viên duy nhất chuyên về lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản. Một trong những thế mạnh của LILAMA – UDC là đầu tư xây dựng các cao ốc văn phòng, khu Resort nghỉ dưỡng, các khu đô thị lớn khắp cả nước.

Hiện nay LILAMA – UDC đang đầu tư vào các dự án lớn như: Khu nhà ở Trầm Sào, Khu đô thị Nam Đồng Mạ, Trung tâm TM Tài chính – VP và đặc biệt là Khu đô thị mới Sơn Đồng - một Khu đô thị lớn nhất và hiện đại nhất miền Bắc. Khu đô thị mới Sơn Đồng với quy mô 410 ha, nằm trên trục đường Láng Hoà Lạc và được giới hạn bằng đường vành đai 4 của Hà Nội. Phương án quy hoạch đưa khu đô thị Sơn Đồng trở thành một khu đô thị cao cấp, phát triển bền vững và hài hoà với cảnh quan thiên nhiên, trong đó lần đầu tiên ở Việt Nam, hệ thống hạ tầng giao thông được đưa vào sử dụng là tuyến tàu điện và tuyến đường sắt nhẹ, nhằm tạo cho khu đô thị nét đặc trưng riêng, hiện đại và ổn định về môi trường.

Việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị LILAMA (LILAMA - UDC) sẽ là một trong những bước đột phá của LILAMA 10., JSC trong lĩnh vực đầu tư tài chính và xây dựng thương hiệu.

Dự án xây dựng trụ sở văn phòng và văn phòng cho thuê

Địa chỉ: Đường Lê văn Lương kéo dài – Hà Nội.

Tổng diện tích đất: 9.200m². Xây 2 dãy nhà: 1 dãy cao 15 tầng; 1 dãy cao 9 tầng với tổng diện tích sử dụng khoảng: 21.000 m². Trong đó cho thuê: 15.400 m².

Dự kiến khởi công trong năm 2008 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2011.

Tổng số vốn đầu tư: 158 tỷ đồng.

Doanh thu hàng năm: 32 tỷ đồng.

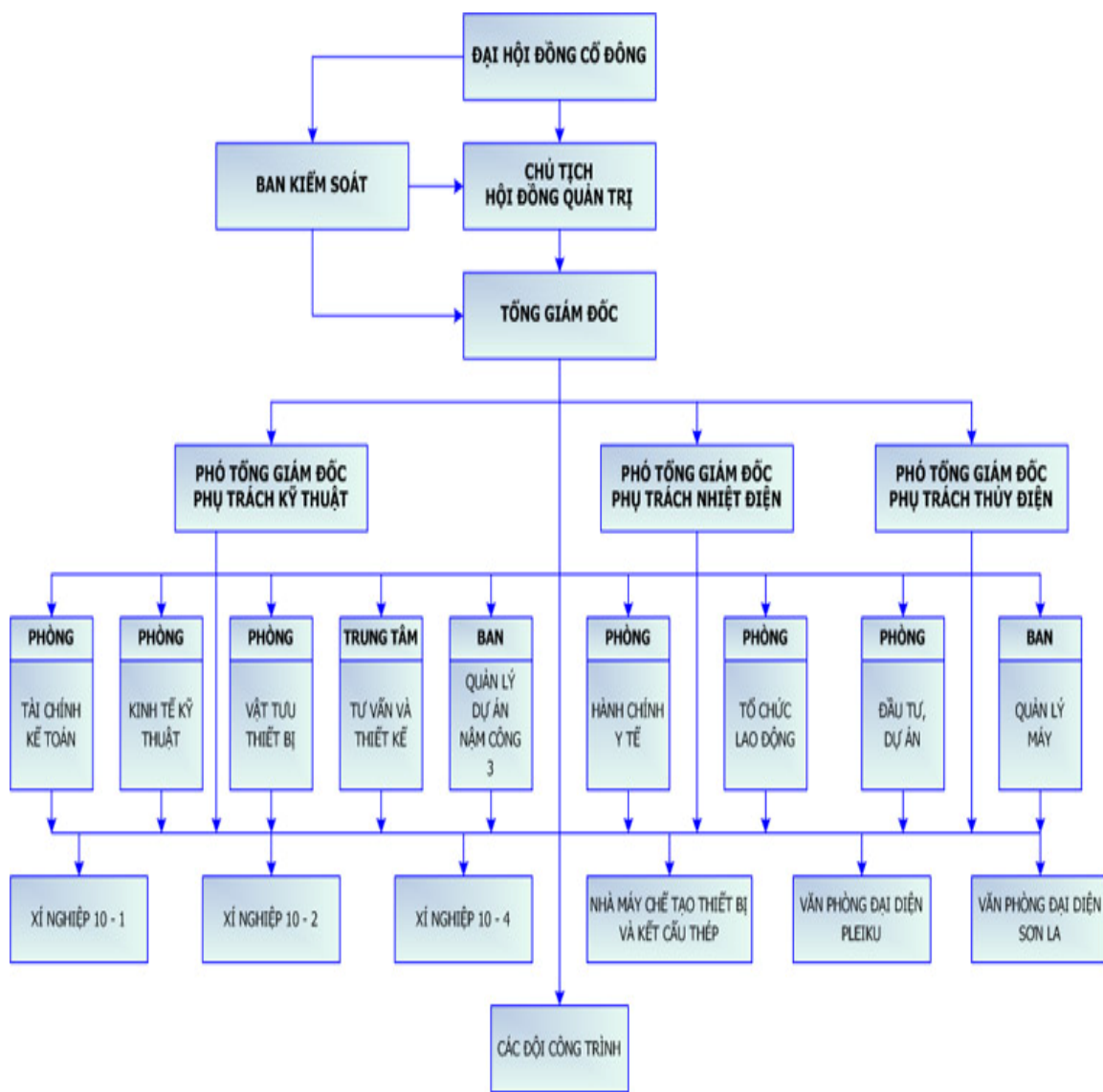
Dự án này được nhiều người quan tâm sau khi Chính phủ đồng ý xây dựng đường Lê Văn Lương (Hà Nội) kéo dài. Đây là con đường kết nối giao thông giữa Hà Nội với tỉnh Hà Tây nhằm giảm ách tắc giao thông và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực. Do đó dự án xây dựng trụ sở văn phòng và văn phòng cho thuê của Công ty sẽ đạt hiệu quả kinh tế cao trong tương lai.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan: Không

VII. Tổ chức và nhân sự: Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007

- Cơ cấu tổ chức của công ty: Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:

Sơ đồ 02: Bộ máy quản lý và tổ chức



Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà :	Đỗ Thị Mai Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà :	Nguyễn Phương Chi	Thành viên
Ông :	Trần Đình Đại	Thành viên
Ông :	Đặng Văn Long	Thành viên
Ông :	Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Trần Đình Đại	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Ông :	Hà Thắng Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Bà :	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên
Ông :	Trần Văn Doãn	Thành viên

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

TT	Họ & tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND	Ngày cấp Nơi cấp
1	Trần Đình Đại	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	13/10/1961	Số nhà 01 – D7 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội	012681713	12/4/2004- CA Hà Nội
2	Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	14/12/1961	P206 – A13 – Kim Giang – Thanh Xuân – Hà Nội	011871706	09/9/1998 CA Hà Nội
3	Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	23/05/1953	19/33 Phố Đốc Ngữ-P.Liễu Giai- Ba Đình-Hà Nội	012714042	04/6/1994 CA Hà Nội
4	Đặng Văn Long	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	23/03/1970	Số 8A – Lũy 12 Khu Đô thị mới Định Công – Hà Nội	012511203	29/03/2002 CA Hà Nội

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: Không

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc: Căn cứ vào quy chế tiền lương của Công ty quy định tiền lương thưởng của Ban Giám đốc là : **309.946.600,đ**

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: 2.226 CBCNV

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: Không

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà :	Đỗ Thị Mai Hương	CTHĐQT	Thành viên độc lập không điều hành
Bà :	Nguyễn Phương Chi	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ông :	Trần Đình Đại	Thành viên	Tổng Giám Đốc
Ông :	Đặng Văn Long	Thành viên	Kế toán trưởng
Ông :	Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Phó Tổng Giám Đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Trần Đình Đại	Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Đức Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Ông :	Hà Thắng Dũng	Tr. Ban kiểm soát	Thành viên độc lập không điều hành
Bà :	NguyễnThị Thu Trang	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ông :	Trần Văn Doãn	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên:Năm 2007, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp

phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD, do đó đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): Không

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

1/ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2007.

2/ Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2007 : - Báo cáo tài chính năm 2007 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Đơn vị tại thời điểm 31/12/2007, cũng như Kết quả hoạt động SXKD và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư : Năm 2007 Công ty đã đầu tư 25,52 tỷ đồng với các dự án sau:

Khảo sát thiết kế CT thủy điện Nậm Công	: 2,6 tỷ đồng.
Mua sắm cầu bánh xích 100T	: 11,79 tỷ đồng.
DA đầu kéo có trang bị thủy lực	: 1,9 tỷ đồng.
Chế tạo 04 cầu giàn 50T	: 4,37 tỷ đồng
01 xe ca 29 chỗ	: 0,38 tỷ đồng
02 ô tô con 4 chỗ ngồi	: 1,15 tỷ đồng
Một số dự án khác với tổng số tiền đã đầu tư	: 3,33 tỷ đồng

3/ Nhận xét, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc :

Đối với HĐQT: Trong năm 2007 HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để chỉ đạo kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo đúng pháp luật, Điều lệ công ty và các Nghị quyết đã ban hành.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2007 đạt hiệu quả cao vượt kế hoạch đề ra cả về mặt doanh thu và lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vượt là 10,84% và 30,67%.

Chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận năm 2007 theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông

Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ lên 90 tỷ đồng trong tháng 06/2007

Đã chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư trọng điểm của Công ty như dự án thủy điện Nậm Công 3, Dự án toà nhà văn phòng Lilama 10... ngoài ra căn cứ vào nhu cầu thực tế, trong năm 2007 HĐQT cũng phê duyệt và chỉ đạo thực hiện mua sắm các thiết bị để tăng năng lực thi công cho Công ty

Đặc biệt trong năm 2007, HĐQT, Ban lãnh đạo cùng toàn bộ các bộ công nhân viên của Công ty đã làm tốt công tác chuẩn bị và hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của Công ty. Ngày 11 tháng 12 năm 2007 Công ty đã nhận được quyết định niêm yết chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2007 Công ty chính thức niêm yết 9.000.000 cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch L10. Đây là một bước đi quan trọng trong việc quảng bá thương hiệu của Công ty cũng như tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán.

Ban tổng giám đốc: Đã thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ và các qui định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

Chỉ đạo các Phòng, ban chức năng thực hiện tốt công tác tổ chức thi công ở các công trình trọng điểm như: TT Hội nghị quốc gia, Nhiệt điện Ung Bí, xi măng Thăng Long... đáp ứng tiến độ, chất lượng dự án đồng thời giúp công ty đạt và vượt kế hoạch về doanh thu trong năm 2007. Thực hiện triển khai các dự án đầu tư trong Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đã nêu, thực hiện điều hành công tác hạch toán kế toán và các hoạt động quản lý khác của công ty theo đúng qui định.

Các cuộc họp của BKS và công tác phối hợp với HĐQT và ban TGD.

Trong năm 2007 BKS Công ty đã tiến hành họp 2 lần vào ngày 3/4/2007 và 21/8/2007:

Họp lần 1: Gồm đủ 3 thành viên của BKS nội dung cuộc họp là:

Kiểm tra tình hình SXKD năm 2006 và quý I năm 2007

Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2006

Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm của BKS

Soạn thảo qui chế hoạt động của BKS

Họp lần 2: Gồm đủ 3 thành viên của BKS nội dung cuộc họp là:

Kiểm tra tình hình SXKD quý I và II.

Kiểm tra công tác triển khai các dự án đầu tư và mua sắm máy móc, phương tiện thi công

Kiến nghị về tình hình hoạt động của Công ty quý III, IV để đảm bảo đạt kế hoạch chung đề ra cho năm 2007.

Kiểm soát công tác chuẩn bị hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và việc sửa đổi điều lệ công ty theo điều lệ mẫu.

Kiến nghị, kết luận :

Đối với các dự án đầu tư trọng điểm của Công ty như Dự án thủy điện Nậm Công 3 và Dự án Toà nhà văn phòng Lilama 10 đề nghị khẩn trương hoàn tất các thủ tục với các Sở, ban, ngành liên quan, đảm bảo triển khai dự án theo tiến độ đề ra.

Các phòng ban chức năng tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật mới đối với các công ty niêm yết để các hoạt động của công ty tuân theo qui định pháp luật.

Thông tin, báo cáo cần được cung cấp kịp thời, đúng quy định cho Ban kiểm soát Công ty.

Trong năm 2007, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo công ty.

kế hoạch công tác năm 2008 của ban kiểm soát.

Nhiệm vụ chung: Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2008 Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các Phòng, Ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất là 01 tuần.

Quý I năm 2008 : Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2007. Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành năm 2007. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quý II năm 2008 : Tình hình thực hiện SXKD Quý I năm 2008. Tình hình thực hiện Đầu tư các Dự án đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc phân chia cổ tức năm 2007.

Quý III năm 2008 : Tình hình thực hiện SXKD Quý II năm 2008. Tình hình thực hiện Đầu tư các Dự án đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Quý IV năm 2008 : Tình hình thực hiện SXKD Quý III năm 2008. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư. Tình hình thực hiện các vấn đề khác nêu trong nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước cũng như các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động của công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt SXKD sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế đã ban hành, chỉ đạo soạn thảo để ban hành quy chế quản lý cần thiết. Xem xét các kiến nghị của Tổng Giám đốc để có sự

điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của các quy chế đã ban hành cho phù hợp với yêu cầu của SXKD.

Chỉ đạo bộ máy quản lý và điều hành của công ty nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2008: Giá trị sản lượng: 398,5 tỷ đồng, Tổng Doanh thu : 318,8 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế : 20 tỷ đồng, Nộp ngân sách: 12,4 tỷ đồng, Tỷ suất lợi nhuận/ vốn : 22,2%, Thu nhập bình quân: 2,8 triệu đồng/ người/tháng; Cổ tức : 14,0%.

Xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao đảm bảo đủ năng lực để thực hiện tốt các dự án trong giai đoạn tới. Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả. sử dụng linh hoạt công cụ nợ trong cân đối để giảm chi phí sử dụng vốn cũng như tăng hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ chế phân phối tiền lương theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả và khối lượng công việc thực hiện, dùng tiền lương là công cụ đòn bẩy trong việc thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng công việc.

Tiếp tục chỉ đạo công tác liên doanh góp vốn thành lập Công ty cổ phần, tìm kiếm việc làm ở nước ngoài như CANADA, Thái Lan, Quarta

Đầu tư chiều sâu tăng cường năng lực, phương tiện thiết bị phục vụ thi công với giá trị **30,229 tỷ đồng**

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình thủy điện Nậm Công 3: Thực hiện thi công **82 tỷ đồng (chưa tính trượt giá)**; Mặc dù dự án đang gặp khó khăn do việc biến động giá ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng đã ký kết của các nhà thầu và tiến độ thi công chung của dự án.

Tìm kiếm thêm một số dự án thủy điện từ 10 đến 30MW để đầu tư...

- **Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát**: Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 19 tháng 5 năm 2007 đã thông qua trả thù lao của Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký HĐQT như sau :

STT	Thành viên HĐQT/ thành viên/ Kiểm soát	Số tiền
1	Chủ tịch HĐQT:	21.600.000/năm
2	Thành viên HĐQT (04 người):	64.800.000/năm
3	Ban kiểm soát, thư ký (04 người):	48.600.000/năm
	Tổng Cộng:	135.000.000/năm

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Bà: Đỗ Thị Mai Hương	CTHĐQT	10.000 CP	0.11%	Không
2	Bà: Nguyễn Phương Chi	Thành viên HĐQT	5.000 CP	0.06%	Không
3	Ông: Trần Đình Đại	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc	103.610 CP	1,15%	Không
4	Ông: Đặng Văn Long	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng	104.080 CP	1,16%	Không
5	Ông: Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	41.470 CP	0.46%	Không

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

Cổ đông sáng lập là cá nhân:

T T	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Trần Đình Đại	1961	Số 1 D7- Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà nội	Kỹ sư	103.610 CP	1,15%	Không
2	Đặng Văn Long	1970	Số 8A- lô 12 khu đô thị mới Định Công	Thạc sỹ Kinh tế	104.080CP	1,16%	Không

Cổ đông sáng lập là tổ chức:

STT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – Hà Nội	4.590.000CP	51%	Không

2.2.Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn :theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA10

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ĐÌNH ĐẠI